

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Số: /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bình Định, ngày tháng năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường  
Dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp (diện tích 4,7 ha)  
tại thôn Phú Xuân, xã Hoài Mỹ, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định  
của Công ty TNHH Xây dựng Thành Hương**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Xét Văn bản số 106/STNMT-CCBVMT ngày 13/01/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp (diện tích 4,7 ha) tại thôn Phú Xuân, xã Hoài Mỹ, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định của Công ty TNHH Xây dựng Thành Hương;*

*Xét nội dung Báo cáo ĐTM dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp (diện tích 4,7ha) tại thôn Phú Xuân, xã Hoài Mỹ, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 27/CV-TH ngày 27/02/2023 của Công ty TNHH Xây dựng Thành Hương;*

*Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 189/TTr-STNMT ngày 03/3/2023.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp, diện tích 4,7 ha (Sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH Xây dựng Thành Hương (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại thôn Phú Xuân, xã Hoài Mỹ, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

***Nơi nhận:***

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ dự án;
- Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh;
- UBND thị xã Hoài Nhơn;
- UBND xã Hoài Mỹ;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K4, K10.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Tuấn Thanh**

**Phụ lục**  
**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN**  
**KHAI THÁC ĐẤT LÀM VẬT LIỆU SAN LẤP (DIỆN TÍCH 4,7 HA) TẠI**  
**THÔN PHÚ XUÂN, XÃ HOÀI MỸ, THỊ XÃ HOÀI NHƠN, TỈNH**  
**BÌNH ĐỊNH CỦA CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THÀNH HƯƠNG**  
(Kèm theo Quyết định số                      /QĐ-UBND ngày        /        /2023 của UBND tỉnh)

**1. Thông tin về dự án**

**1.1. Thông tin chung**

- Tên dự án: Khai thác đất làm vật liệu san lấp (diện tích 4,7 ha) tại thôn Phú Xuân, xã Hoài Mỹ, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.
- Địa điểm thực hiện: thôn Phú Xuân, xã Hoài Mỹ, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH Xây dựng Thành Hương.
- Địa chỉ liên hệ: khu phố An Dinh 2, phường Hoài Thanh, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.
- Điện thoại: 0256.3564079.
- 1.2. Phạm vi, quy mô, công suất
- Diện tích dự án: 4,7 ha.

- Thời gian làm việc trong ngày: 08 giờ (từ 7h00 đến 11h30 và từ 13h30 đến 17h00).

- Trữ lượng, công suất được phép khai thác: Trữ lượng được phép đưa vào thiết kế khai thác Quyết định số 2169/QĐ-UBND ngày 12/7/2022 của UBND tỉnh là 353.875 m<sup>3</sup> đất địa chất. Theo đó, trữ lượng huy động vào khai thác 300.476 m<sup>3</sup> đất địa chất. Công suất, thời gian khai thác như sau:

+ Năm thứ nhất: 50.000 m<sup>3</sup> đất địa chất/năm (bao gồm 22.966 m<sup>3</sup> đất địa chất phục vụ thi công công trình Kè chống xói lở và hệ thống ngăn mặn thôn Trường Xuân Tây, xã Tam Quan Bắc, thị xã Hoài Nhơn).

+ Năm thứ 2, thứ 3, thứ 4: 65.000 m<sup>3</sup> đất địa chất/năm.

+ Năm thứ 5: 55.476 m<sup>3</sup> đất địa chất/năm.

Trong đó, năm thứ nhất Công ty TNHH Xây dựng Thành Hương chỉ được phép khai thác 22.966 m<sup>3</sup> đất địa chất phục vụ thi công công trình Kè chống xói lở và hệ thống ngăn mặn thôn Trường Xuân Tây, xã Tam Quan Bắc, thị xã Hoài Nhơn (tiến độ khai thác theo tiến độ thi công công trình); khi kết thúc khai thác, Công ty thực hiện phục hồi môi trường phần diện tích đã khai thác theo quy định.

Công ty chỉ được phép tiếp tục khai thác phần trữ lượng còn lại khi UBND tỉnh chấp thuận bổ sung thêm mục đích khai thác phục vụ thi công các công trình khác có sử dụng vốn ngân sách nhà nước.

1.3. Trình tự và phương pháp khai thác: mở vỉa tại cao độ cos +60m phía Nam khu mỏ (gần điểm góc số 5), khai thác theo lớp bằng từ trên xuống dưới, chiều cao khai thác trung bình 6,8 m - 7,9 m. Kết thúc khai thác, địa hình mỏ thoải dần từ độ cao +61m đến +22m theo hướng từ Nam sang Tây Bắc. Sử dụng máy đào (dung tích gầu 1,25 m<sup>3</sup>) để khai thác và xe 12 tấn để vận chuyển đất đến công trình (xe vận chuyển và thiết bị khai thác phải thể hiện đầy đủ thông tin về tên doanh nghiệp, tên công trình thi công và tên mỏ khai thác theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Văn bản số 3296/UBND-KT ngày 22/5/2020).

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của Dự án:

- Công trình bảo vệ môi trường: 02 hồ giảm tốc (phía Bắc và Đông Bắc), hệ thống mương thu gom, thoát nước mưa.

- Tuyến đường tạm trong mỏ (đường đất) dài khoảng 456,56 m.

- Mương rửa bánh xe chở đất ra khỏi mỏ, kích thước: dài 5,0 m x rộng 4,0 m x sâu 0,5 m.

- Khu vực phụ trợ phía Bắc (nằm trong khu vực mỏ), diện tích khoảng 1.000 m<sup>2</sup> để bố trí lán trại tạm, nhà vệ sinh di động, bãi tập kết xe.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: Dự án có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng rừng với diện tích 4,54 ha.

## **2. Hạng mục công trình và hoạt động của Dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường**

- Quá trình khai thác đất: nước mưa chảy tràn cuốn theo bùn đất, chất thải rắn, chất thải nguy hại, bụi và khí thải từ các thiết bị khai thác từ hoạt động khai thác và vận chuyển; gây nguy cơ sạt lở đất trong mùa mưa lũ, sa bồi các dòng chảy và hạ lưu.

- Hoạt động vận chuyển đất làm phát sinh bụi, gây nguy cơ hư hỏng các tuyến đường và mất an toàn giao thông.

## **3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh trong giai đoạn hoạt động của Dự án**

### **3.1. Nước thải**

- Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 1,04 m<sup>3</sup>/ngày, có hàm lượng ô nhiễm hữu cơ và vi sinh cao.

- Nước mưa chảy tràn có lẫn bùn đất phát sinh khoảng 6.502,4 m<sup>3</sup>/ngày (tính đối với ngày có lượng mưa phát sinh cao nhất với diện tích lưu vực tiếp nhận nước mưa chảy tràn 4,7 ha).

3.2. Bụi, khí thải: phát sinh từ quá trình khai thác và vận chuyển đất đến các công trình thực hiện san lấp.

### **3.3. Chất thải rắn, chất thải nguy hại**

- Chất thải rắn sinh hoạt (bao bì nhựa, vỏ hộp, thức ăn thừa,...) phát sinh khoảng 4,8 kg/ngày, có tỷ lệ chất hữu cơ cao, dễ phân hủy; gây mùi hôi và ruồi,

nhặng.

- Chất thải nguy hại: bóng đèn huỳnh quang thải (Mã chất thải: 16 01 06) khoảng 02 kg/năm.

- Chất thải công nghiệp phải kiểm soát: giẻ lau nhiễm dầu thải (Mã chất thải: 18 02 01) khoảng 10 kg/năm.

3.4. Tiếng ồn, độ rung: phát sinh trong quá trình khai thác, vận chuyển đất đến nơi san lấp.

3.5. Các tác động khác không liên quan đến chất thải: hoạt động khai thác đất gây nguy cơ sạt lở trong mùa mưa lũ, ảnh hưởng đến hạ lưu khu vực dự án, hư hỏng tuyến đường trong quá trình vận chuyển, mất an toàn giao thông,...

#### **4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án**

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải

4.1.1. Xử lý nước thải sinh hoạt: sử dụng nhà vệ sinh di động đặt tại khu vực phụ trợ.

4.1.2. Xử lý nước mưa chảy tràn

- Hệ thống mương thu nước mưa chảy tràn xung quanh mỏ chiều dài khoảng 776 m (kích thước: rộng 2,0 m x sâu 1,0 m); mương thu gom nước mưa chảy tràn dọc tuyến đường trong mỏ có chiều dài 456,56 m (kích thước: rộng 1,0 m x sâu 0,5 m) và mương dẫn nước sau xử lý từ hố giảm tốc ra nguồn tiếp nhận (kích thước: dài 20 m x rộng 2,0 m x sâu 1,0 m). Các mương có kết cấu là mương đất hở, được gia cố đảm bảo.

- Hố giảm tốc số 1 phía Đông Bắc mỏ (tọa độ 1.597.425, 591.308), thể tích khoảng 150 m<sup>3</sup> (diện tích 75 m<sup>2</sup>, sâu 2 m), hố giảm tốc số 2 phía Bắc mỏ (tọa độ 1.597.531; 591.088), thể tích khoảng 480 m<sup>3</sup> (diện tích 240 m<sup>2</sup>, sâu 2 m) được gia cố đảm bảo.

- Quy trình thu gom, xử lý:

- + Nước mưa chảy tràn phía Đông và Đông Bắc mỏ → mương thu gom phía Đông, Đông Bắc và Nam dài khoảng 300 m → hố giảm tốc số 1 (giảm tốc độ dòng chảy và hạn chế sa bồi) → mương thoát nước ngoài mỏ dài khoảng 5 m → cống ngầm qua đường → khe thoát nước hiện trạng phía Đông Bắc mỏ → suối cạn.

- + Nước mưa chảy tràn phía Bắc mỏ → mương thu gom phía Bắc, Tây và Nam dài khoảng 476 m → hố giảm tốc số 2 (giảm tốc độ dòng chảy và hạn chế sa bồi) → mương thu gom phía Bắc dài khoảng 15 m → cống ngầm qua đường → khe thoát nước hiện trạng phía Bắc mỏ → suối cạn.

4.2. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý bụi

- Thường xuyên tưới nước trên tuyến đường vận chuyển đất từ Dự án đến công trình san lấp (đặc biệt lưu ý đoạn qua khu dân cư) và tăng cường vào mùa nắng; phủ bạt kín các phương tiện chuyên chở trong quá trình vận chuyển,

không để rơi vãi.

- Duy trì và giữ vành đai cây xanh phía Bắc và phía Đông Bắc mở để giảm thiểu bụi.

- Vệ sinh bánh xe khi ra khỏi khu mỏ (mương rửa bánh xe phía Bắc mỏ, kích thước: dài 5,0 m x rộng 4,0 m x sâu 0,5 m), vệ sinh tuyến đường vận chuyển từ mỏ đến công trình san lấp.

- Phủ bạt kín các phương tiện chuyên chở trong quá trình vận chuyển, không để rơi vãi đất.

#### 4.3. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

##### 4.3.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

Bố trí 01 thùng lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt đặt tại khu vực lán trại để thu gom và xử lý theo quy định.

##### 4.3.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

Trang bị các thùng lưu chứa chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp phải kiểm soát có dán nhãn và thực hiện lưu chứa, hợp đồng xử lý theo quy định.

#### 4.4. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

Định kỳ bảo dưỡng máy móc thiết bị phục vụ khai thác và trang bị bảo hộ lao động cho công nhân.

#### 4.5. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

Trường hợp khu vực có phát sinh đá thải, bố trí khu vực lưu chứa đảm bảo môi trường và thực hiện quản lý theo quy định Luật Khoáng sản.

##### 4.5.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường

a) Thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường hàng năm với các nội dung sau:

| STT | Nội dung công việc                    | Đơn vị tính    | Khối lượng | Kết quả đạt được                                                                                                               | Thời gian thực hiện                                                               |
|-----|---------------------------------------|----------------|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|
| 1.  | Cấm biển báo nguy hiểm tại khu vực mỏ | cái            | 7          | Đảm bảo an toàn trong quá trình khai thác.                                                                                     | Trước khi tiến hành khai thác và giữ lại sau khi kết thúc Dự án.                  |
| 2.  | San gạt mặt bằng mỏ                   | m <sup>3</sup> | 3.872      | Tạo bề mặt bằng phẳng, thoải về phía Đông, Đông Bắc, không tạo hố sâu cục bộ, thuận lợi cho quá trình thoát nước và trồng cây. | Triển khai và hoàn thành sau 10 ngày kể từ thời điểm kết thúc khai thác hàng năm. |

| STT                        | Nội dung công việc                     | Đơn vị tính    | Khối lượng | Kết quả đạt được                                              | Thời gian thực hiện                                                                                |
|----------------------------|----------------------------------------|----------------|------------|---------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 3.                         | San lấp hố giảm tốc                    | m <sup>3</sup> | 693        | Trả lại hiện trạng ban đầu                                    | Triển khai và hoàn thành sau 03 năm kể từ thời điểm bắt đầu trồng cây cải tạo phục hồi môi trường. |
| 4.                         | Tháo dỡ cống thoát nước                | tấn            | 12,3       |                                                               | Triển khai và hoàn thành sau 10 ngày kể từ thời điểm kết thúc khai thác hàng năm.                  |
| 5.                         | Tháo dỡ nhà tạm, nhà vệ sinh di động   | m <sup>2</sup> | 15         |                                                               |                                                                                                    |
| 6.                         | Trồng rừng keo lai phủ xanh khu vực mỏ | ha             | 4,7        | Phủ xanh khu vực khai thác                                    | Thực hiện sau khi kết thúc san gạt năm khai thác thứ 2, thứ 3 và kết thúc khai thác.               |
| 7.                         | Đo vẽ địa hình khu mỏ                  | ha             | 4,7        | Giám sát độ sâu khai thác                                     | Sau khi kết thúc san gạt mặt bằng.                                                                 |
| <b>II Khu vực ngoài mỏ</b> |                                        |                |            |                                                               |                                                                                                    |
| 8.                         | Cải tạo tuyến đường đất hiện trạng     | m <sup>3</sup> | 198        | Đảm bảo kết cấu tuyến đường phục vụ cho hoạt động vận chuyển. | Triển khai và hoàn thành sau 10 ngày trước khi dự án đi vào khai thác và sau khi kết thúc Dự án.   |
| 9.                         | San lấp mương thoát nước               | m <sup>3</sup> | 44         | Trả lại hiện trạng ban đầu                                    | Triển khai và hoàn thành sau 03 năm kể từ thời điểm bắt đầu trồng cây cải tạo phục hồi môi trường. |

b) Kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường

- Tổng dự toán chi phí cải tạo, phục hồi môi trường 542.420.000 đồng  
(Năm trăm bốn mươi hai triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng).

- Số lần ký quỹ: 05 lần; thực hiện ký quỹ như sau:

+ Lần 1, số tiền: 135.605.000 đồng; thời điểm ký quỹ: trước ngày đăng ký bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ.

+ Các lần còn lại, số tiền: 101.704.000 đồng; thời điểm ký quỹ: thực hiện trong khoảng thời gian không quá 07 ngày, kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền công bố chỉ số giá tiêu dùng của năm trước năm ký quỹ.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Bình Định, 387 Trần

Hung Đạo, thành phố Quy Nhơn.

Số tiền nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm 2023.

#### 4.4.2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Thực hiện khai thác đến đâu bóc lớp đất tầng phủ đến đó; tạo bờ dừng xung quanh khu vực mỏ nhằm giảm thiểu sạt lở phía hạ lưu trong quá trình khai thác.

- Thường xuyên nạo vét hồ giảm tốc và mương thoát nước mưa đảm bảo giảm nguy cơ sa bồi.

- Bố trí khu vực điều tiết lưu lượng xe ra vào mỏ, không tập trung xe trên đường đất hiện trạng.

### 5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án

Giám sát bụi lơ lửng (TSP) 01 điểm trên tuyến đường dân sinh so sánh với QCVN 05:2013/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; tần suất giám sát 06 tháng/lần.